

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **62/2022/HS-ST**

Ngày: 15-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Chí Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hoàng phúc**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Ngọc D, sinh năm 1985; tại Bến Tre; Trú tại: Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Văn M (chết) và bà Trần Thị C (chết); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Bé H và có 01 con chung sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Lâm Thanh L, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

Trần Thị Thụy Y, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 05/4/2022, Trần Ngọc D sau khi đi uống rượu về phòng trọ số 3 (nơi D thuê để ở), nhà trọ T thuộc ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, D nhìn thấy xe mô tô biển số 71B3-269.90 của anh Lâm Thanh L đang dựng trước cửa phòng trọ số 5 cùng dãy nhà trọ với D, không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. D dẫn xe mô tô của mình trong phòng trọ số 3 ra trước cửa, sau đó đi lại trước phòng trọ số 5 dẫn xe mô tô của L vào phòng trọ của D, rồi dẫn xe mô tô của mình vào và đóng cửa phòng lại. Sau khi dẫn xe của L vào phòng, D tháo biển số xe đem cất giấu, đồng thời chỉnh tay côn xe của L nhằm mục đích không để L nhận ra xe của mình. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh L mở cửa phòng dẫn xe vào thì phát hiện xe bị mất trộm nên đã gọi điện thoại cho chị Trần Thị Thụy Y là chủ nhà trọ kiểm tra camera an ninh thì phát hiện D đã lấy trộm xe của L nên trình báo công an.

Vật chứng tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 71B3-269.90, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh bạc đen, số máy G3D4E508564, số khung 0610HY486642.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C, tỉnh Bến Tre trả lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 cho anh Lâm Thanh L.

Bản kết luận định giá trị tài sản của Hội đồng định giá huyện C xác định 01 xe mô tô biển số 71B3-269.90, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh bạc đen, số máy G3D4E508564, số khung 0610HY486642 có giá trị 27.183.000 đồng.

Cáo trạng số 57/CT-VKSCT ngày 03/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc D từ 06 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

Xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 cho anh Lâm Thanh L.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì muốn có tiền trả nợ cá nhân nên vào khoảng 22 giờ, ngày 05/4/2022 tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, Trần Ngọc D đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 71B3-269.90 của anh Lâm Thanh L có giá trị 27.183.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 71B3-269.90 của anh Lâm Thanh L, giá trị tài sản lấy trộm là 27.183.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang nuôi con nhỏ, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nêu trên, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống để quản lý, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2

Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Lâm Thanh L đã nhận lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 và không có yêu cầu gì khác.

[8] Xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 cho anh Lâm Thanh L.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc D phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 14/9/2022.

Giao bị cáo Trần Ngọc D về cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận anh Lâm Thanh L đã nhận lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 và không có yêu cầu gì khác.

3] Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã trả lại xe mô tô biển số 71B3-269.90 cho anh Lâm Thanh L.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc D chịu án phí 200.000đồng.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b)
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện C, tỉnh Bến Tre (3b);
- Bộ phận HS CA huyện C, tỉnh Bến Tre (2b);
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (1b);
- Những người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường